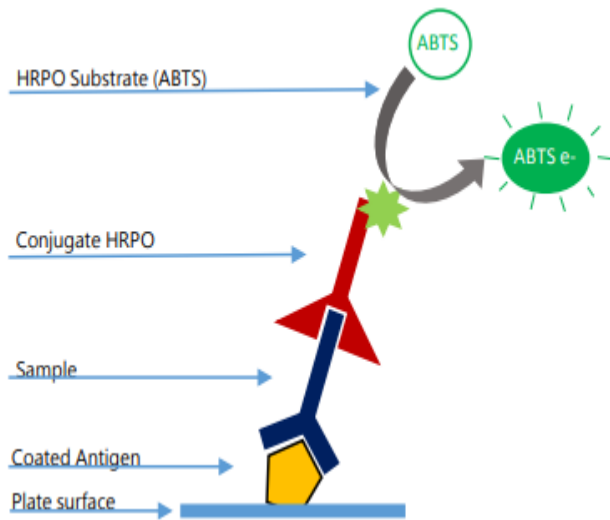


INgezim PRRS UNIVERSAL

R.11.PRU.K1



INgezim PRRS UNIVERSAL dựa trên kỹ thuật ELISA gián tiếp, sử dụng kháng thể đơn dòng (MAb) đặc hiệu đối với globulin miễn dịch lợn (IgG), và kháng nguyên tái tổ hợp (protein N chủng Mỹ và châu Âu của PRRS).



CƠ SỞ KỸ THUẬT BỘ KIT

1. Các đĩa được phủ với kháng nguyên PRRS (protein Vp7 tái tổ hợp từ chủng Mỹ và châu Âu). Mẫu huyết thanh được thêm vào và đem ủ.
2. Nếu các mẫu có chứa kháng thể đặc hiệu với PRRS, chúng sẽ liên kết với kháng nguyên.
3. Khi MAb-PO đặc hiệu của globulin miễn dịch lợn được thêm vào, nó sẽ liên kết với phức hợp IgG trước đó – kháng nguyên. Liên kết này được phát hiện bằng sự phát triển một phản ứng so màu sau khi bổ sung cơ chất.

ỨNG DỤNG

Phát hiện và /hoặc chuẩn độ kháng thể đặc hiệu đối với PRRS trong mẫu huyết thanh lợn. Thí nghiệm này được thiết kế để phát hiện kháng thể đặc hiệu đối với cả hai chủng Mỹ và Châu Âu của PRRS.

GIẢI THÍCH KẾT QUẢ

Có một giá trị Cut off để giải thích kết quả. Các mẫu có OD cao hơn giá trị Cut off là **Dương tính** và các mẫu có OD thấp hơn giá trị Cut off là **Âm tính**.

THẨM ĐỊNH

ĐỘ NHẠY

Sử dụng các động vật tiêm vaccine thực nghiệm

Một bộ huyết thanh từ các mẫu tách chiết khác nhau được lấy từ 4 động vật được tiêm vaccine thực nghiệm được phân tích. Ngoài ra, trong cùng một nghiên cứu, động vật không được tiêm phòng cũng được yêu cầu và đã lấy mẫu. Kết quả thu được cho

SỬ DỤNG FIELD SERA

Một bảng gồm 535 huyết thanh của Mỹ đã được phân tích và kết quả so sánh với Kỹ thuật Tham chiếu IFA (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang). Sự tương quan là 88%.

thấy INgezim PRRS Universal có thể phát hiện các kháng thể đặc hiệu đối với PRRS tại các ngày khoảng 8 và 12 sau khi tiếp xúc với kháng nguyên.

ĐỘ ĐẶC HIỆU

Một nghiên cứu sử dụng 250 huyết thanh chủng Châu Âu và 216 huyết thanh chủng Mỹ được thực hiện. Tất cả các huyết thanh này được xếp vào danh mục là âm tính bởi các xét nghiệm gián tiếp khác có sẵn trên thị trường. Kết quả thu được cho thấy độ đặc hiệu 97.2% khi phân tích các mẫu châu Âu và 93.2% khi phân tích các mẫu Mỹ.

Trong cùng một thí nghiệm, 830 huyết thanh của Châu Âu được so sánh với Kỹ thuật tham chiếu ở Châu Âu IPMA (Xét nghiệm miễn dịch peroxidase đơn lớp). Sự tương quan là 100%.

CHUẨN ĐỘ GIÉNG ĐƠN

Có thể thu được hiệu giá gần đúng của huyết thanh dựa trên giá trị OD của nó, bằng cách sử dụng công thức tương ứng với đường cong hàm mũ.

THÀNH PHẦN KIT

- Đĩa 96 giếng microtitration
- Các lọ đối chứng Dương
- Các lọ đối chứng Âm
- Các lọ Conjugate preoxidase
- Chai dung dịch rửa
- Chai pha loãng huyết thanh
- Chai pha loãng conjugate
- Chai dung dịch dừng phản ứng
- Chai cơ chất (ABTS).
- Chai đệm cơ chất.



REGISTRATION NUMBER 1053 RD
PRODUCT MANUFACTURED BY INGENASA



SHELF LIFE: **18 months**
Stored at 2°C-8°C